

ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÂN DÂN PHÁP VỚI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TIẾN TỚI CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Dinh Xuân Lâm^(*)

Có thể khẳng định từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939) cho đến mùa xuân năm 1944 khi cuộc kháng chiến chống phát xít Hít-le ở Pháp sắp kết thúc thắng lợi, trong hoàn cảnh mọi liên lạc giữa nước Pháp và Việt Nam hầu như bị gián đoạn, Đảng Cộng sản Pháp (ĐCSP) đã không có sự hiểu biết cụ thể nào về tình hình cách mạng Việt Nam. Còn Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSDD) thì từ mùa hè năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945 cũng hầu như bị tách khỏi với bên ngoài, mọi liên hệ với ĐCSP đều bị cắt đứt. Etinne Fajon, Ủy viên Bộ Chính trị ĐCSP, đã khẳng định: *“Tôi không nghĩ rằng Ban lãnh đạo Đảng (chỉ Đảng Cộng sản Pháp) lúc đó lại biết được điều gì đáng kể về vấn đề Đông Dương”* [1, tr.61]. Elie Mignot - Thường trực Tiểu ban thuộc địa của ĐCSP từ tháng 6 năm 1945 - cũng thú nhận *“Vào năm 1945, và cả năm 1946, chúng tôi được thông tin rất ít. Chúng tôi đã biết được Cách mạng tháng Tám qua một vài thông tin vụn vặt trên báo chí. Các thông tin này rất không đủ về tình hình xảy ra ở Đông Dương”* [1, tr.62]. Raymond Barbe - Thường trực Tiểu ban thuộc địa từ mùa hè năm 1945 - còn cho biết sự theo dõi nắm bắt diễn biến tình hình cách mạng Việt Nam của ĐCSP chậm trễ và bị động đến mức nào: *“Theo sự hiểu biết của tôi*

thì cho đến tận cuộc khởi nghĩa đưa Việt Minh lên nắm chính quyền vào các tháng 8 - 9 năm 1945, ĐCSP hoàn toàn không có cơ sở để đánh giá các điều kiện của cuộc đấu tranh bên xứ Đông Dương. Chỉ ít lâu sau (theo như tôi nhớ thì chỉ vài ngày thôi), khi báo chí đưa tin về việc Việt Minh nắm chính quyền, tôi mới được các đồng chí Việt Nam cư trú tại Pháp cho biết rằng Hồ Chí Minh chẳng phải là ai khác là Nguyễn Ai Quốc từng được các lãnh tụ cộng sản Pháp quen biết. Nguồn thông tin mà sau đó đã nhanh chóng xác nhập đúng, lập tức được chuyển cho Ban lãnh đạo Đảng” [1, tr.70].

Trong khi đó dã tâm của đế quốc Pháp tái chiếm các nước thuộc địa (trong đó có Đông Dương) đã bộc lộ rất sớm và rõ. Chính phủ Cộng hoà lâm thời Pháp (tức Chính phủ kháng chiến) đóng tại Alger do tướng De Gaulle cầm đầu, ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai còn chưa kết thúc và nước Pháp đang bị nước Đức chiếm đóng, đã triệu tập hội nghị Brazzaville (Congo) để bàn về vấn đề thuộc địa (30-1 đến 8-2-1944). Tại hội nghị đó, mọi tư tưởng giải phóng các dân tộc thuộc địa sau chiến tranh đều bị gạt bỏ. René Pléven, đại diện Chính phủ lâm thời Pháp, tuyên bố không úp mở: *“Trong khuôn khổ đế quốc Pháp, không hề có vấn đề dân tộc để giải phóng, cũng như không hề có vấn đề phân biệt chủng tộc*

^(*) GS., Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

để thủ tiêu (...); Các dân tộc hải ngoại không hề biết tới nền độc lập dân tộc nào khác ngoài nền độc lập của nước Pháp" [1, tr.73-74]. Đến tháng 8 năm 1944, khi thủ đô Paris được giải phóng, Chính phủ của những người kháng chiến vừa mới giành được thắng lợi cho dân tộc đã ra lệnh tổ chức một đội quân do tướng Leclerc cầm đầu, và giao cho đạo quân này nhiệm vụ tiến sang Viễn Đông đánh đồng minh cuối cùng của Hitle - phát xít Nhật. Sau khi nước Pháp được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn đã ra quy chế tương lai của Đông Dương (24-3-1945). Văn kiện này thực chất là sự khôi phục chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Trong bối cảnh lịch sử đó, nhiều người cộng sản Pháp về mặt tư tưởng không tránh khỏi chịu ảnh hưởng. Điều cần phải khẳng định ngay là mối quan hệ giữa những người cộng sản Pháp và cách mạng Việt Nam trước đó vốn rất gắn bó, và đã được thử thách qua nhiều thời kỳ lịch sử. Cứu tế đỏ, Uỷ ban đấu tranh đòi thả tù chính trị đã từng tiến hành những cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại khủng bố trắng của đế quốc Pháp trong những năm đầu của thập kỷ 30. Rồi đến thời kỳ 1936-1937, mặt trận nhân dân Pháp với những người cộng sản làm nòng cốt đã sát cánh cùng các chiến sĩ cách mạng và nhân dân Việt Nam đấu tranh cho những quyền lợi dân chủ cơ bản.

Nhưng do mối quan hệ giữa ĐCSĐD với ĐCS Pháp bị gián đoạn trong một thời gian dài, và một phần do tình hình chính trị nước Pháp và thế giới sau ngày giải phóng quyết định (một nước Pháp vừa thắng trận với sự liên minh các lực lượng chính trị thời chống phát xít của 4 cường

quốc chiến thắng bên trong tuy đã có sự rạn nứt, nhưng vẫn được duy trì ngoài mặt) chính sách của ĐCS Pháp đối với các thuộc địa nói chung, Đông Dương nói riêng vẫn là tư tưởng phối hợp giữa các lực lượng tiến bộ của chính quốc với các thuộc địa để đấu tranh cho những quyền dân chủ mới, nghĩa là vẫn chỉ dừng lại ở các mục tiêu của thời kỳ Mặt trận dân chủ, mà không thấy được rằng đến năm 1945 đã có bao nhiêu thay đổi to lớn trong đời sống chính trị của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Xin trích dẫn sau đây một lời phát biểu của Ê-chiên-Fa-giông tại Đại hội ĐCS Pháp tháng 6 năm 1947 để minh họa xu hướng tư tưởng chung hồi đó: *"Trong tình hình thế giới chung hiện nay, khối Liên hiệp Pháp vẫn là tổ chức tốt nhất cho sự thực hiện nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa với sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và nhân dân Pháp (...). Các bạn hãy ở lại với chúng tôi trong khối Liên hiệp Pháp"*.

Trong bối cảnh lịch sử cụ thể đó, ĐCS Pháp chưa thể có được một chính sách thật sự đúng đắn đối với các nước thuộc địa. Thế nhưng tình hình đã nhanh chóng thay đổi sau ngày 2-9-1945. Qua làn sóng điện, lời **Tuyên ngôn độc lập** đã truyền xa tới năm châu bốn biển. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện cho toàn dân tộc Việt Nam đã trình trọng tuyên bố *"thoát ly hẳn quan hệ thực dân Pháp, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam"* [5, tr.21]. Đồng thời cũng danh thép khẳng định trước toàn thế giới: *"Nước Việt Nam có quyền được*

hường tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy” [5, tr.22].

Ngay sau đó, lời lẽ trên báo chí cộng sản Pháp bắt đầu thay đổi, Bộ Chính trị ĐCS Pháp ra thông báo ngày 20 tháng 9, rồi cuộc mít tinh ngày 12 tháng 1, rõ ràng là đến 3 tháng cuối năm 1945, ĐCS Pháp đã có ý thức khắc phục nhanh chóng tình trạng chững chặc, lạc hậu trước đó về mặt thông tin. Nhưng cũng phải đợi tới mùa xuân năm 1946 thì những sợi dây nối liền hai Đảng anh em mới được thắt chặt lại. Ngày 15-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Pháp đã ra chỉ thị **Kháng chiến kiến quốc** nhận định rằng sau cuộc tuyển cử tháng 10 năm 1945, ĐCS Pháp là Đảng mạnh nhất trong Quốc hội Pháp^(*). Ngày 9-3-1946 - ngay sau khi **Hiệp định sơ bộ** được ký kết giữa Việt Nam và Pháp - Trung ương ĐCS Pháp quyết định gấp rút bắt liên lạc với ĐCS Pháp nhằm phối hợp hành động chung. Tiếp đó, ngày 16-4-1946, phái đoàn Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phạm Văn Đồng dẫn đầu tới Pháp, và ngày 7-5 tại trụ sở ĐCS Pháp đã có cuộc gặp gỡ giữa phái đoàn ta với các đồng chí Maurice Thorez, Jacques Duclos và André Marty. Chỉ đến lúc này thì ban lãnh đạo ĐCS Pháp mới được thông báo một cách chính thức và đầy đủ về tình hình Việt Nam. Một số việc trước đó do thiếu thông tin liên lạc mà có sự hiểu lầm

nhau, như việc ĐCS Pháp tuyên bố “*tự giải tán*” vào tháng 11-1945 đã được thanh toán. “*Sự tin cậy*” và “*Sự thống nhất quan điểm*” giữa hai Đảng đã được thiết lập. Sau này, khi trả lời phỏng vấn về việc nối lại mối quan hệ giữa hai Đảng nhân chuyển dẫn đầu phái đoàn Quốc hội sang Pháp hồi tháng 4-1946, trưởng phái đoàn là đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định “*Phải, đúng vậy? Không thể có khả năng nào khác. Chúng tôi đã tiếp xúc chặt chẽ với nhau... Chúng tôi đã có nhiều cố gắng để thông báo cho ĐCS Pháp hiểu rõ tình hình, Đảng Cộng sản Pháp trở thành một Đảng lớn, nhưng Đảng đó không thể hiểu biết tất cả*” [1, tr.71].

Ngay sau đó, trên tờ báo L'Humanité của ĐCS Pháp đã đánh giá **Hiệp định sơ bộ** (6-3-1946) là biểu hiện của “*một chính sách hiện thực*” của Chính phủ Pháp. Tiếp theo là một loạt bài đòi phía Pháp thanh lọc ra khỏi đội viễn chinh những phần tử phản động và thực dân, đưa đến Việt Nam những người có đầu óc dân chủ chống lại chính sách của bọn tư bản độc quyền ở thuộc địa. ĐCS Pháp còn tích cực chống âm mưu tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam, và trong suốt quá trình họp hội nghị Fontainebleau đã lên tiếng vạch mặt Thierry d'Argenlieu - Cao uỷ Pháp ở Thái Bình Dương và Max André cầm đầu phái đoàn Pháp tại hội nghị là đại diện của các tờ-rót và Ngân hàng Đông Dương.

Đứng về phía ta mà nói, hoàn toàn không có ảo tưởng với thực dân Pháp. Tuy Chính phủ ta đã ký **Hiệp định sơ bộ** (6-3-1946) với đại diện Chính phủ Pháp đặt cơ sở cho việc đàm phán đi đến một hiệp ước chính thức, trước đó Ban

^(*) Tại Quốc hội, Đảng Cộng sản Pháp và các nhóm ứng cử dưới ngọn cờ của tổ chức Liên minh ái quốc công hòa chống phát xít chiếm 60 ghế trong tổng số 586 ghế ngày 21 tháng 11 năm 1945; đã có 5 bộ trưởng là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp trong chính phủ mới của De Gaulle

thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị: *Tình hình và chủ trương* (3-3-1946), sau khi phân tích âm mưu xảo quyệt của bọn đế quốc và tay sai, cuối cùng đã khẳng định: “Nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24-3-1945 thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích. Nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hoà” [6, tr.44]. Đồng thời với việc vạch rõ những nguyên tắc cơ bản cho việc đàm phán giữa ta và Pháp là độc lập và hợp tác trên cơ sở bình đẳng, Pháp phải công nhận quyền dân tộc tự quyết của nhân dân ta, ta công nhận quyền quân Pháp đóng tạm thời và có hạn của Pháp trên đất nước ta. Chỉ thị nhấn mạnh: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc soạn ấy và nhất định không được cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến đấu của dân tộc ta” [6, tr.46]. Sau khi **Hiệp định** được ký kết 3 ngày, Ban Thường vụ Trung ương Đảng lại ra chỉ thị *Hoà để tiến* (9-3-1946) vạch rõ lý do cần phải hoà với Pháp, phê phán những khuynh hướng sai lầm có thể nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhấn mạnh nhiệm vụ đề phòng thực dân Pháp bội ước, tận dụng khả năng hoà hoãn, tích cực chuẩn bị kháng chiến toàn quốc.

Nhưng **Hiệp định sơ bộ** chưa ký kết ráo mực thì phái bọn phản động ở Pháp và Đông Dương đã bội ước, ngoan cố tìm mọi cách để phá cuộc đàm phán, cố tình cắt hết mọi con đường hoà hoãn, buộc nhân dân ta trong cả nước phải đứng dậy

cầm vũ khí giết giặc. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra **Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến**: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [6, tr.86].

Thời gian này, tình hình nước Pháp có nhiều sự kiện đáng chú ý. Tháng 1-1947, Vincent Auriol người của Đảng Xã hội trúng cử Tổng thống nước Pháp, nội các Paul Ramadier thành lập và trong chính phủ mới của nước Pháp lần này cũng có 5 bộ trưởng là đảng viên ĐCSP. ĐCSP vẫn kiên trì đấu tranh cho một giải pháp hoà bình trong vấn đề Việt Nam và đòi Chính phủ Ramadier phải điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh. Nhưng mặc dù là một chính đảng lớn ở Pháp bấy giờ, ĐCSP vẫn chưa đủ mạnh để định hướng cho đường lối chính trị ở nước Pháp.

Tuy nhiên, trước áp lực của các cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp, của những người cộng sản Pháp, lại bị những đòn giáng trả mãnh liệt của quân và dân Việt Nam, đế quốc Pháp buộc phải thay đổi thủ đoạn. Tháng 3-1947, Emile Bolaert được sử dụng làm Cao uỷ Đông Dương, bên ngoài với “*sứ mạng*” tuyên bố là hoà bình, nhưng bên trong thực chất là kết thúc chiến tranh bằng một cuộc tiến công quân sự dè bẹp chế độ ta, rồi sử dụng “*con bài Bảo Đại*” lập ra một chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng. Để kịp thời đối phó lại âm mưu mới của kẻ

thù, ngày 15 tháng 9 năm 1947, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị "*Bô-la nói gì, ta phải làm gì?*" nêu rõ "*Mọi lực lượng của dân tộc ta phải được động viên vào việc chống mưu mô "dùng người Việt trị người Việt" của thực dân Pháp và sửa soạn phá những cuộc tấn công lớn của địch trong những tháng tới đây: quân sự thắng lợi giúp cho chính trị thành công*" [6, tr.144-145]. Chỉ thị kết luận đầy tin tưởng: "*Chúng ta không cô độc, lẻ loi. Chỉ cần dân tộc ta luôn luôn đoàn kết chặt chẽ, toàn dân kháng chiến lâu dài, chủ trương cho đúng, nhất định chúng ta sẽ thắng. Rồi đây, không phải những kẻ thù như Bô-la có thể ra điều kiện cho ta, mà chính sức đoàn kết và đấu tranh mạnh mẽ của dân tộc ta và dân tộc Pháp sẽ bắt buộc bọn thực dân phản động Pháp hàng phục*" [6, tr.144-145].

Thực hiện chỉ thị ngày 15-10-1947 của Trung ương Đảng (*Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*), [6, tr.146, 161] quân và dân ta trên khắp các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ với quân và dân Việt Bắc chiến đấu anh dũng và chiến thắng vẻ vang, càng làm cho quân và dân cả nước thêm tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến lâu dài.

Lúc này, tại nước Pháp sự liên minh của lực lượng chống lại đường lối chính trị của ĐCSP ngày càng quyết liệt, Thủ tướng Ramadier quyết định 5 bộ trưởng - đảng viên cộng sản phải rút khỏi chính phủ. Trong tình hình đó, mặc dù ĐCSP vẫn nỗ lực đấu tranh cho một giải pháp hoà bình, rõ ràng tương quan lực lượng lúc đó chưa cho phép Đảng bạn tạo ra những chuyển biến căn bản. Tuy nhiên

ĐCSP đã kịp thời có một quyết định chính xác mang tính năng động và linh hoạt: không giới hạn vấn đề Việt Nam trong khuôn khổ hai phe trên thế giới. Từ năm 1947 đến năm 1954, ĐCSP nỗ lực vạch rõ cho nhân dân Pháp thấy rằng cuộc chiến tranh ở Đông Dương làm tăng thêm sự lệ thuộc của Pháp vào Mỹ, đe dọa nền độc lập của Pháp, đồng thời cũng làm cho nhân dân Pháp hiểu rằng cuộc đấu tranh vì hoà bình ở Việt Nam có quan hệ chặt chẽ với việc bảo vệ nền độc lập của nước Pháp đối với đế quốc Mỹ. Báo chí của Đảng, như các tờ L'Humanité, France nouvelle đăng nhiều bài đòi hỏi phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, phải điều đình lập tức với Chính phủ Hồ Chí Minh và vạch rõ đó là lợi ích của hai nước Việt Nam và Pháp. Trong các phiên họp Quốc hội, các nghị sĩ là đảng viên ĐCSP đã lớn tiếng lên án phái chủ chiến. Tại phiên họp ngày 21-1-1950, nữ đồng chí Jeannette Vermersch phần nỡ lên án các đảng phái chủ chiến: "*Các ngài quên rằng nhân dân Việt Nam đang ở trên đất nước của họ. Không phải họ là kẻ xâm lược, mà chính là các ngài... Không phải là nhân dân Việt Nam đã ném bom Mác-xây, mà chính là các ngài đã ném bom Hải Phòng... Căm thù ư? Đúng là tôi căm thù. Tôi căm thù khi tôi nghĩ tới hàng triệu trẻ em đang lâm vào cảnh đói rét, khi tôi nghĩ tới hàng triệu người vô sản bị các ngài bóc lột; phải, tôi căm thù vì đa số nghị sĩ trong Quốc hội này là bọn đế quốc...*" [1, tr.220-221]. Còn ở bên ngoài thì các tổ chức xã hội của nước Pháp (như Tổng công đoàn, Liên đoàn phụ nữ, Liên đoàn thanh niên) đã có nhiều hình thức đấu tranh khác nhau rất sáng tạo, như lấy chữ ký đòi hoà bình

ở Việt Nam để trao cho các uỷ viên hội đồng thành phố, cho các nghị sĩ, bộ trưởng, tổng thống...; mít tinh biểu tình trong khắp nước; tổ chức những buổi họp mặt mang tên "*Vi Việt Nam*"; các bà mẹ Pháp đòi trả con khi còn sống chứ không phải khi đã nằm trong quan tài; các bà mẹ để tang con; tổ chức hòm phiếu đòi hoà bình ở Việt Nam v.v...

Cũng trong thời gian đó, từ năm 1949 đến năm 1953, trên thế giới và ở Việt Nam đã có những chuyển biến bất lợi cho bọn đế quốc. Quân giải phóng Trung Quốc đã tiến xuống miền Nam áp sát biên giới Bắc Việt Nam. Năm 1950, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, ba năm sau đế quốc Mỹ và bè lũ chư hầu thua phải rút về phía Nam. Còn ở Việt Nam cuộc kháng chiến đã chuyển sang giai đoạn mới, các tỉnh biên giới phía Bắc từ Cao Bằng đến Lạng Sơn đều được giải phóng. Đế quốc Mỹ lợi dụng tình hình khốn đốn của Pháp ở Việt Nam đã trắng trợn can thiệp vào Đông Dương. Cái bóng đen đế quốc Mỹ đang trùm lên nền độc lập của chính bản thân nước Pháp. Henri Navarre đã thú nhận: "*Điều nguy hiểm nhất của viện trợ Mỹ là về phương diện chính trị... Viện trợ Mỹ càng ngày càng xen sâu vào công việc của chúng ta..., chúng ta sẽ rơi vào hoàn cảnh trái ngược là do việc nhận viện trợ Mỹ mà gần như chắc chắn là chúng ta sẽ mất Đông Dương, dù rằng viện trợ đó có làm cho chúng ta chiến thắng được trong cuộc chiến tranh*" [4].

Trong hoàn cảnh đó, ĐCS Pháp vì chủ nghĩa quốc tế và cả vì lợi ích dân tộc của nước Pháp, càng đẩy mạnh việc lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh

xâm lược Việt Nam. Yêu cầu lúc này được đặt cao hơn, không thể chỉ dừng lại ở giai đoạn tuyên truyền, cổ động mà phải có những cuộc đấu tranh có tính chất hành động tích cực. Hưởng ứng lời kêu gọi của ĐCS Pháp, Tổng công đoàn Pháp phát động những cuộc bãi công ở các cảng có tàu chuyên chở vũ khí và trang thiết bị đi Đông Dương. Từ Marseille, Toulon, Le Havre đến Dunkerque, Alger..., nơi nơi đều có cuộc đấu tranh rầm rộ của công nhân bốc dỡ không chịu chuyển hàng lên tàu, bất chấp sự đàn áp, cúp phạt, thậm chí bắt bớ, giam cầm, tù đầy của chính quyền phản động. Các cuộc đấu tranh của công nhân cảng cũng như các cuộc đấu tranh trên toàn nước Pháp luôn luôn gắn liền với việc đòi hỏi đưa quân đội viễn chinh về nước, đòi hòa bình ở Việt Nam, đòi điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh. Điển hình cho phong trào đấu tranh sôi động và quyết liệt hồi đó của nhân dân và công nhân Pháp là các vụ Raymond Dien nằm trên đường sắt ngăn đoàn xe lửa chở vũ khí (24-2-1949) và chiến dịch đòi trả lại tự do cho Henri Martin, một đảng viên cộng sản Pháp đã từng có mặt trên chiến trường Đông Dương, và khi trở về Pháp đã trở thành người tố cáo tội ác của bọn hiếu chiến xâm lược Việt Nam. Trong suốt ba năm (1950-1953) những người cộng sản, giai cấp công nhân, các liên đoàn thanh niên và phụ nữ ở Pháp với nhiều hoạt động phong phú đã biến vụ Hăng-ri-Mac-tanh thành một ngòi nổ làm vang động đến vấn đề Việt Nam trong tâm trí nhân dân Pháp và tạo thành một sức mạnh chưa từng có ở khắp thành thị và nông thôn nước Pháp đấu tranh đòi hoà bình ở Đông Dương. Lương tri và lương tâm của

đông đảo nhân dân Pháp - trong đó có nhiều nhân vật tri thức chống cộng sản nổi tiếng, đã được thức tỉnh về việc phản đối cuộc chiến tranh bẩn thỉu do bọn thực dân Pháp đang tiến hành ở Đông Dương. Cuối cùng trước khí thế mãnh liệt của phong trào đấu tranh, ngày 2-8-1953, Tổng thống Pháp phải ra lệnh trả lại tự do cho Henri Martin. Báo L'Humanité hân hoan xác nhận đây là thắng lợi cao đẹp của sự thống nhất và của hành động vì bảo vệ tự do và vì hoà bình ở Việt Nam.

Chính trong thời gian này, trên chiến trường Đông Dương quân đội viễn chinh Pháp ngày càng lâm vào tình trạng khốn đốn. Quân đội và nhân dân Việt Nam phối hợp chặt chẽ với quân đội Lào và Campuchia cùng lúc đẩy mạnh phản công trên khắp các chiến trường, giải phóng thêm nhiều vùng rộng lớn, gây thêm nhiều tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp và làm tan rã đội quân bù nhìn. Nước Pháp lâm vào thế đứng bẽ bàng. Nước Pháp không thể một mình tiến hành chiến tranh được nữa. Đó là những sự thật rành rành mà bất cứ người đứng đầu nào của nước Pháp lúc bấy giờ cũng phải thú nhận [1, tr.291-292]. Ngày 17 tháng 4 năm 1953, Paul Reynaud mới từ Đông Dương về đã cay đắng nói hẳn với Tổng thống Vincent Auriol như sau: *"Tôi cho rằng tiếp tục duy trì sự chảy máu này là cuộc chiến tranh Đông Dương, đó là một tội ác chống lại nước Pháp"* [2].

Ngày 7-5-1954, toàn bộ chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Chỉ một ngày sau khi sự kiện Điện

Biên Phủ kết thúc, vấn đề Đông Dương đã được đề cập tới trên bàn hội nghị Genève. Đúng vào lúc này, Chính phủ Joseph Laniel hiểu chiến bại Quốc hội Pháp lật đổ, chính phủ mới Mendès - France lên thay, với sự tán thành của các nghị sĩ cộng sản. Ngay sau đó, những người cộng sản Pháp càng ta sức đẩy mạnh việc mở rộng mặt trận chống chiến tranh ở Đông Dương. Hoạt động của họ không những được đông đảo nhân dân Pháp, các tổ chức tôn giáo hưởng ứng mà còn tạo ra sức mạnh làm chuyển biến cả thái độ những nhân vật chống cộng ở Pháp vốn có ảnh hưởng trong phái chủ chiến như: Albert Sarraut, Edouard Daladier, Edouard Herriot, kể cả Thủ tướng Mendès France. Nhiều cuộc mít tinh đông tới hàng vạn người đòi hoà bình ở Việt Nam đã diễn ra trong suốt hai tháng 6 và 7 năm 1954 trong thời gian hội nghị. ĐCS Pháp đã kịp thời cảnh cáo âm mưu của phái đoàn Pháp đòi thêm đất đai trong vùng tập kết ở miền Nam: *"Ngừng bắn phải là tiền đề cho sự hoà bình lâu dài và không thể có hoà bình lâu dài nếu như không có giải pháp chính trị. Nếu chính phủ Pháp tưởng rằng có thể ngừng bắn và đàm phán song song với việc khuyến khích chính sách thành lập một căn cứ xâm lược của Mỹ xung quanh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thì đó là một nhầm lẫn lớn"* [1, tr.303]. ĐCS Pháp cũng kiên quyết phản đối mưu toan ở miền Nam Việt Nam một nhà nước phân biệt và coi vĩ tuyến 17 của ranh giới tạm thời trở thành ranh giới chiến lược.

Kết quả là ngày 20-7-1954 **Hiệp định Genève về Đông Dương** được ký

kết, và rõ ràng là những người cộng sản Pháp đã có phần đóng góp cho sự thành công đó. Đối với những người cộng sản Pháp, thắng lợi của Điện Biên Phủ và hội nghị Genève được xem là thắng lợi chung của cả nhân dân Pháp và nhân dân Việt Nam. Trong cuộc mít tinh lớn ở Paris ngày 22-7-1954, Jacques Duclos đã giải thích: “Thắng lợi này không phải là kết quả của ý muốn tốt của một số người, nó là kết quả của hành động quần chúng đã cô lập được chính phủ tay sai của Mỹ ở trong nước, và nó đã buộc một số giới tư bản phải biểu lộ rõ ràng hơn những sự khác biệt đối lập về quyền lợi của họ với quyền lợi của bọn tư bản trực tiếp gắn bó với Mỹ” [1, tr.310].

Đối với những người cộng sản Pháp, hoà bình được lập lại ở Việt Nam và Đông Dương năm 1954 cũng là thắng lợi to lớn của hoà bình thế giới. Để thấy rõ tầm vóc và ý nghĩa cuộc đấu tranh này của nhân dân Pháp dưới sự lãnh đạo của ĐCS Pháp, có thể dẫn nhận định tổng quát sau đây của một nhà sử học Pháp:

“Ở nước Việt Nam, việc chống lại chủ nghĩa thực dân không phải là không có trước chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng chưa từng có cuộc đấu tranh nào lại đặc biệt kéo dài đến như vậy từ 1944 đến 1954... Người ta có thể khẳng định được rằng cuộc đấu tranh chống lại chiến tranh Đông Dương trước hết là do những người cộng sản tiến hành: đó là cuộc chiến tranh lâu dài đầu tiên của quần chúng trong lịch sử chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp” [1, tr.394].

Bằng hoạt động tích cực và to lớn của mình, ĐCS Pháp đã triệt để thực hiện luận cương về sự liên minh giữa phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa với chính đảng cách mạng ở chính quốc. Chính vì ý nghĩa to lớn đó mà việc tìm hiểu thấu đáo những hoạt động của ĐCS Pháp và những người cộng sản Pháp phối hợp với nhân dân ta trong cuộc kháng chiến 9 năm (1946 -1954) sẽ góp phần vào việc củng cố, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về mọi mặt, tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai Đảng và nhân dân hai nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alain Ruscio dẫn trong: “*Những người Cộng sản Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương 1944 -1954*”, NXB L' Harmattan, Paris, 1985
2. Alain Ruscio dẫn trong: “*L' Historiographie Francaise et Dien Bien Phu: un demi siècle de recherches et de controverses*” (Sử liệu học Pháp và Điện Biên Phủ: một nửa thế kỷ nghiên cứu và tranh luận)
3. *Báo Nhân đạo*, Các số ra ngày 17 và 18/9, ngày 15/10/1944
4. Navarre (H), *Đông Dương hấp hối*, NXB Plon, Paris, 1956, tr.28
5. *Tuyên ngôn độc lập, Văn kiện về kháng chiến chống thực dân Pháp*, tập 1 (1945-1954). NXB Sự thật, Hà Nội, 1986
6. *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, tập 1 (1945-1950), NXB Sự thật, Hà Nội, 1986.

THE FRENCH COMMUNIST PARTY AND THE FRENCH PEOPLE
DURING THE RESISTANCE AGAINST THE FRENCH COLONISTS
OF THE VIETNAMESE PEOPLE, WHICH LED TO THE VICTORY IN
ĐIEN BIEN PHU

Prof. Dinh Xuan Lam

*Department of History
College of Social Sciences and Humanities - VNU*

The outbreak of World War II in 1939 put an end to the connection between Indochina Communist Party and French Communist Party. Only after the success of August Revolution in 1945, the appearance of the *Democratic Republic of Vietnam* with The Declaration of Independence and the visit of Vietnam Parliament Delegation led by Pham Van Dong in April in 1946 did the French Communist Party know about the development of the Revolution in Vietnam. From that time, the French Communist Party tried their best to promote the French people's movement against the invasion of Vietnam by the French government. Finally, with their great efforts, with people's supports all over the world, including the French people, the Vietnamese people succeeded in finishing their 9-year resistance with the great victory in Dien Bien Phu.

The role and contributions of the French Communist Party in mobilizing the French people's anti-war movement was very great and practical.